

HỒ SƠ YÊU CẦU

Gói mua sắm: 31/CHRR/2022 -Trang bị xe ô tô công tác lần 1/2022
Bên mua sắm: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2022
ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI
THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH




Trần Thị Bảo Quế

Chương I. CHỈ DẪN CHUNG

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB).
2. MB mời các nhà cung cấp (NCC) tham gia chào hàng rộng rãi gói mua sắm: **“31/CHRR/2022 -Trang bị xe ô tô công tác lần 1/2022 .”**. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói mua sắm nêu tại Chương II của HSYC này.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của NCC

NCC là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói mua sắm này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Có giấy chứng nhận đại chính hãng của Toyota

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. NCC phải nộp đơn chào hàng và Bảng giá chào theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, 02a, 02b (nếu có) Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà NCC không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là NCC đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, NCC phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do NCC ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói mua sắm trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp NCC tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của NCC sẽ bị loại.
3. Trường hợp NCC có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Đơn vị mua sắm nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, NCC cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần của Hồ sơ đề xuất (HSDX)

HSDX do NCC chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Bảng giá chào theo Mẫu số 02, 02a, 02b (nếu có);
3. Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật theo Mẫu số 03;
4. Hồ sơ năng lực gồm:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Báo cáo tài chính năm 2020;
- Hợp đồng tương tự theo yêu cầu tại Mục 2 Chương II;
- Giấy chứng nhận đại lý chính hãng của Toyota Việt Nam
- Cam kết đáp ứng các điều khoản chính trong Hợp đồng theo yêu cầu tại Chương IV

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của HSDX

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX là 17 giờ 00 phút ngày 19 tháng 04 năm 2022.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá HSDX

- NCC phải nộp HSDX trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử về địa chỉ: Phòng Mua sắm và Quản lý Tài sản - Khối Hành chính - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
 - Địa chỉ: Tầng 07, tòa nhà MB 18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
 - Đầu mối tiếp nhận: Nguyễn Thanh Hải
 - Điện thoại: 0912 363 666 Email: haint12@mbbank.com.vn

Các HSDX được gửi đến Đơn vị mua sắm sau thời điểm hết hạn nộp HSDX sẽ không được xem xét.

- Trong quá trình đánh giá các HSDX, Đơn vị mua sắm có thể mời NCC có HSDX đạt yêu cầu và có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện lựa chọn NCC

NCC được xem xét, đề nghị ký hợp đồng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSDX đáp ứng các yêu cầu trong HSYC;
- Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt ngân sách gói mua sắm được duyệt.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI MUA SẮM

1. Yêu cầu và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

TT	Nội dung	Yêu cầu (mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng)
1	Số lượng HSDX phải nộp	01 bản gốc, 01 bản photocopy.
2	Tính hợp lệ của đơn đề xuất	Được người đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu
3	Hiệu lực HSDX đáp ứng yêu cầu	Thời gian có hiệu lực của HSDX là 60 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX.
4	Có giấy phép ĐKKD	Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước Việt Nam cấp; ngành nghề phù hợp với lĩnh vực tham gia chào giá (bản công chứng chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/sao y của đơn vị)
5	Giấy chứng nhận	Đại lý chính hãng của Toyota Việt Nam.

NCC có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm

2. Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

TT	Nội dung	Mô tả chi tiết	Yêu cầu
1	Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính.	≥ 03 năm tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất, được thể hiện trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương.	M
2	Số lượng Hợp đồng tương tự đã và đang thực hiện với tư cách NCC chính tại Việt Nam trong thời gian từ năm 2018 đến nay	≥ 01 Hợp đồng cung cấp xe từ năm 2018 đến nay $\geq 5,6$ Tỷ đồng. NCC nộp bản sao y chứng thực hoặc bản sao y có xác nhận công ty. Trường hợp cần xác minh MB có thể yêu cầu đối chiếu bản gốc	M
3	Năng lực tài chính	- Doanh thu năm 2018 – 2019 - 2020 ≥ 12 tỷ đồng. - Lợi nhuận năm 2018 – 2019 - 2020 > 0. - NCC nộp bản sao y chứng thực hoặc bản sao y có xác nhận công ty. Báo cáo tài chính năm 2020	M

3. Yêu cầu cung cấp hàng hóa:

NCC phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau trong vòng 45 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Địa điểm bàn giao hàng hóa: Theo chỉ định của MB.

4. Yêu cầu chung:

STT	Nội dung	Yêu cầu	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn hàng hóa	Hàng nhập khẩu hoặc sản xuất trong nước, sản xuất năm 2022 mới 100%, đáp ứng các tiêu chuẩn của hãng sản xuất và yêu cầu của MB	
2	Yêu cầu về tiến độ triển khai	Thời gian bàn giao hàng: tối đa trong vòng 45 ngày	
3	Bảo hành	Theo tiêu chuẩn của Toyota.	
4	Hướng dẫn sử dụng và bàn giao tài liệu	Cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng.	

5. Yêu cầu kỹ thuật

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng
-----	-------------------	-------------------	----------

HV (Hàng
nhập khẩu hoặc
sản xuất trong
nước, năm sản
xuất: 2022)

- Kích thước tổng thể bên ngoài (Dài x Rộng x Cao): 4885 mm x 1840 mm x 1445 mm
- Chiều dài cơ sở: 2825 mm
- Khoảng sáng gầm xe: 140 mm
- Bán kính quay vòng tối thiểu: 5.8 m
- Dung tích bình nhiên liệu: 50 L
- 2. **Động cơ – Vận hành**
 - Loại động cơ: A25A-FXS
 - Dung tích xy lanh: 2487 cc
 - Hệ thống nhiên liệu: Phun xăng điện tử
 - Loại nhiên liệu: Xăng
 - Công suất tối đa: 131(176)/ 5700
 - Mô men xoắn tối đa: 221/ 3600-5200
 - Tiêu chuẩn khí thải: Euro 5 w OBD
 - Động cơ điện:
 - Công suất tối đa: 88
 - Mô men xoắn tối đa: 202
 - Ắc quy Hybrid: Nickel Metal
 - Tiêu thụ nhiên liệu:
 - Trong đô thị: 4.9 L/100 Km
 - Ngoài đô thị: 4.3 L/100 Km
 - Kết hợp: 4.4 L/100 Km
- 3. **Truyền lực**
 - Loại dẫn động: Dẫn động cầu trước
 - Hộp số: Số tự động vô cấp E-CVT
 - Các chế độ lái: 3 chế độ(Eco, Normal, Sport)
- 4. **Khung gầm**
 - Hệ thống lái: Trợ lực điện
 - Vành & lốp xe (bao gồm lốp dự phòng):
 - Loại vành: Hợp kim
 - Kích thước lốp: 235/45R18
 - Phanh:
 - Trước: Đĩa tản nhiệt
 - Sau: Đĩa đặc
- 5. **Ngoại Thất**
 - Cụm đèn trước:
 - Đèn chiếu gần: Bi-LED dạng bóng chiếu
 - Đèn chiếu xa: Bi-LED dạng bóng chiếu
 - Hệ thống điều khiển đèn tự động: Có
 - Hệ thống cân bằng góc chiếu: Tự động
- 6. **Nội thất**
 - Tay lái:
 - Loại tay lái: 3 chấu
 - Chất liệu: Bọc da
 - Lấy chuyển số: không
 - Bộ nhớ vị trí: Có
 - Ghế trước:
 - Chất liệu bọc ghế: Bọc da
 - Điều chỉnh ghế lái: Chỉnh điện 10 hướng
 - Điều chỉnh ghế hành khách: Chỉnh điện 8 hướng
 - Bộ nhớ vị trí: Ghế người lái
- 7. **Tiện nghi**
 - Cửa sổ trời: Có
 - Rèm che nắng kính sau: Chỉnh điện
 - Rèm che nắng cửa sau: Chỉnh tay
 - Hệ thống điều hòa: Tự động 3 vùng độc lập
 - Hệ thống âm thanh:
 - Màn hình: Màn hình cảm ứng 9 inch

2	Xe Camry 2.5 Q (Hàng nhập khẩu hoặc sản xuất trong nước, năm sản xuất: 2022)	1. Kích thước – Trọng lượng - Kích thước tổng thể bên ngoài (Dài x Rộng x Cao): 4885 mm x 1840 mm x 1445 mm - Chiều dài cơ sở: 2825 mm - Khoảng sáng gầm xe: 140 mm - Bán kính quay vòng tối thiểu: 5.8 m - Dung tích bình nhiên liệu: 60 L 2. Động cơ – Vận hành - Loại động cơ: A25A-FKS - Dung tích xy lanh: 2487 cc - Hệ thống nhiên liệu: Phun xăng điện tử - Loại nhiên liệu: Xăng - Công suất tối đa: 154(207)/ 6600 - Mô men xoắn tối đa: 250/ 5000 - Tiêu chuẩn khí thải: Euro 5 w OBD - Tiêu thụ nhiên liệu: - Trong đô thị: 9.98 L/100 Km - Ngoài đô thị: 5.41 L/100 Km - Kết hợp: 7.09 L/100 Km 3. Truyền lực - Loại dẫn động: Dẫn động cầu trước - Hộp số: Số tự động 8 cấp/8AT - Các chế độ lái: 3 chế độ(Eco, Normal, Sport) 4. Khung gầm - Hệ thống lái: Trợ lực điện - Vành & lốp xe (bao gồm lốp dự phòng): - Loại vành: Hợp kim - Kích thước lốp: 235/45R18 - Phanh: - Trước: Đĩa tản nhiệt - Sau: Đĩa đặc 5. Ngoại Thất - Cụm đèn trước: - Đèn chiếu gần: Bi-LED dạng bóng chiếu - Đèn chiếu xa: Bi-LED dạng bóng chiếu - Hệ thống điều khiển đèn tự động: Có - Hệ thống cân bằng góc chiếu: Tự động 6. Nội thất - Tay lái: - Loại tay lái: 3 chấu - Chất liệu: Bọc da - Lẫy chuyển số: Có - Bộ nhớ vị trí: Có - Ghế trước: - Chất liệu bọc ghế: Bọc da - Điều chỉnh ghế lái: Chính điện 10 hướng - Điều chỉnh ghế hành khách: Chính điện 8 hướng - Bộ nhớ vị trí: Có 7. Tiện nghi - Cửa sổ trời: Có - Rèm che nắng kính sau: Chính điện - Rèm che nắng cửa sau: Chính tay - Hệ thống điều hòa: Tự động 3 vùng độc lập - Hệ thống âm thanh:	03
---	--	---	----

		Màn hình: Màn hình cảm ứng 9 inch Số loa: 9 JBL Kết nối điện thoại thông minh: Có - Hiện thị thông tin trên kính lái: Có 8. An toàn chủ động - Hệ thống an toàn chủ động Toyota Safety: Cảnh báo tiền va chạm: Có Hệ thống cảnh báo lệch làn và hỗ trợ giữ làn đường: Có Điều khiển hành trình chủ động: Có Đèn chiếu xa tự động: Có - Hệ thống cân bằng điện tử: Có - Hệ thống kiểm soát lực kéo: Có - Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc: Có - Hệ thống theo dõi áp suất lốp: Có - Hệ thống cảnh báo điểm mù: Có - Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau: Có - Camera hỗ trợ đỗ xe: Camera 360 9. An toàn bị động - Túi khí: Túi khí người lái & hành khách phía trước: Có Túi khí bên hông phía trước: Có Túi khí rèm: Có Túi khí đầu gối người lái: Có	
3	Xe Fortuner 4*4 AT (Hàng nhập khẩu hoặc sản xuất trong nước, năm sản xuất: 2022)	1- Kích thước – Trọng lượng - Kích thước tổng thể bên ngoài (Dài x Rộng x Cao): 4795 mm x 1855 mm x 1835 mm - Chiều dài cơ sở: 2745 mm - Khoảng sáng gầm xe: 279 mm - Bán kính quay vòng tối thiểu: 5.8 m - Dung tích bình nhiên liệu: 80 L 2- Động cơ – Vận hành - Loại động cơ: 2TR-FE (2.7L) - Dung tích xy lanh: 2694 cc - Hệ thống nhiên liệu: Phun xăng điện tử - Loại nhiên liệu: Xăng - Công suất tối đa: 122 (164) / 5200 - Mô men xoắn tối đa: 245 / 4000 - Tiêu chuẩn khí thải: Euro 5 - Tiêu thụ nhiên liệu: Trong đô thị: 14 L/100 Km Ngoài đô thị: 9.4 L/100 Km Kết hợp: 11.1 L/100 Km 3- Truyền lực - Loại dẫn động: Dẫn động 2 cầu bán thời gian - Gài cầu điện tử - Hộp số: Số tự động 6 cấp / 6AT - Các chế độ lái: Có 4- Khung gầm - Hệ thống lái: Thủy lực biến thiên theo tốc độ - Vành & lốp xe (bao gồm lốp dự phòng): Loại vành: Mâm đúc Kích thước lốp: 265 / 60R18	02

		- Hệ thống treo: Trước: Độc lập, tay đòn kép với thanh cân bằng Sau: Phụ thuộc, liên kết 4 điểm - Phanh: Trước: Đĩa tản nhiệt Sau: Đĩa đặc	
		5- Ngoại Thất - Cụm đèn trước: Đèn chiếu gần: Led Đèn chiếu xa: Có Hệ thống điều khiển đèn tự động: Có Chế độ đèn chờ dẫn đường: Có Hệ thống cân bằng góc chiếu: Tự động - Cụm đèn sau: Led - Đèn báo phanh trên cao: Led - Đèn sương mù: Trước: Led Sau: Có - Gương chiếu hậu ngoài: Chức năng điều chỉnh & gập điện: Có Tích hợp đèn báo rẽ: Có	
		6- Nội thất - Tay lái: Loại tay lái: 3 chấu Chất liệu: Bọc da, ốp gỗ, mạ bạc Nút bấm điều khiển tích hợp: Điều chỉnh âm thanh, màn hình hiển thị đa thông tin, đàm thoại rảnh tay - Ghế trước: Chất liệu bọc ghế: Bọc da Điều chỉnh ghế lái: Chính điện 8 hướng Điều chỉnh ghế hành khách: Chính điện 8 hướng - Gương chiếu hậu trong: Chống chói tự động - Cụm đồng hồ: Đèn báo chế độ Eco: Có Màn hình hiển thị đa thông tin: Có (màn hình màu TFT 4.2")	
		7- Tiện nghi - Cửa gió sau: Có - Chìa khóa thông minh & khởi động bằng nút bấm: Có - Khóa cửa điện, Chức năng khoá cửa từ xa: Có - Hệ thống điều hòa: Tự động 2 vùng - Hệ thống âm thanh: Màn hình: Màn hình cảm ứng 8" navigation Số loa: 11 JBL Kết nối điện thoại thông minh: Có - Cốp điều khiển điện: Có - Hệ thống điều khiển hành trình: Có	
		8- An toàn chủ động - Chống bó cứng phanh / ABS: Có - Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp / BA: Có - Hệ thống phân phối lực phanh điện từ: Có	

		- Hệ thống cân bằng điện tử / VSC: Có - Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc: Có - Đèn báo phanh khẩn cấp / EBS: Có - Hệ thống kiểm soát lực kéo / TRC: Có - Hệ thống hỗ trợ đỗ xe / DAC: Có - Camera: Camera 360 - Cảm biến hỗ trợ đỗ xe: Có 9- An toàn bị động - Túi khí: - Túi khí người lái & hành khách phía trước: Có - Túi khí bên hông phía trước: Có - Túi khí rèm: Có - Túi khí đầu gối người lái: Có	
--	--	--	--

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Đơn vị mua sắm]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu (HSYC) và văn bản sửa đổi HSYC _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên NCC], cam kết thực hiện gói mua sắm _____ [Ghi tên gói mua sắm] theo đúng yêu cầu của HSYC với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói mua sắm].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là NCC chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm hết hạn nộp HSDX].

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO
(áp dụng đối với gói mua sắm mua sắm hàng hóa)

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan (nếu có)	(I)
Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của NCC
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HOÁ**Đại diện hợp pháp của NCC**

1	2	3	4	5	6	7	8	
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Thời gian bảo hành	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	
1	Hàng hoá thứ 1						M1	
2	Hàng hoá thứ 2						M2	
								
n	Hàng hoá thứ n						Mn	
	Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>						M=M1+M2+...+Mn	

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của Đơn vị mua sắm, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí vận chuyển, lắp đặt, các loại phí và lệ phí khác (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 02b. Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, NCC phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn nộp HSDX theo quy định.

BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá	Thành tiền (Cột 3x7)
Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>							(I)

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TUYÊN BỐ ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT

ST T	Nội dung	Yêu cầu của HSYC	Yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Ghi chú và tài liệu tham chiếu
1				Đáp ứng/ Không đáp ứng	
2			M/O		
3			M/O		

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CHƯƠNG IV - CÁC ĐIỀU KHOẢN CHÍNH TRONG HỢP ĐỒNG

I. GIÁ TRỊ, HÌNH THỨC THANH TOÁN

1. **Phương thức thanh toán:** chuyển khoản (*phí chuyển khoản thuộc trách nhiệm của Bên A*). Thanh toán làm hai lần:

Lần 1: Bên A tạm ứng cho Bên B 30% giá trị Hợp đồng, tương đương ... VND (*Bằng chữ:*) trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi ký Hợp đồng và Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán, bao gồm:

- + Công văn đề nghị tạm ứng của Bên B;
- + Thư bảo lãnh tạm ứng.
- + Thư bảo lãnh thực hiện HĐ.

Lần 2: Bên A thanh toán cho Bên B 70% giá trị Hợp đồng còn lại, tương đương ... VND (*Bằng chữ:*) trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi ký biên bản bàn giao, nghiệm thu hàng hóa và Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán, bao gồm:

- + Công văn đề nghị thanh toán của Bên B;
 - + Biên bản bàn giao tại điểm giao hàng;
 - + Hóa đơn tài chính hợp lệ;
 - + Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, chất lượng hàng hóa (CO, CQ) - nếu có
- Chi tiết khi thương thảo Hợp đồng.*

2. **Quy định về các giấy tờ, hồ sơ thanh toán:**

- **Giấy đề nghị tạm ứng, thanh toán:** Ghi rõ nội dung cần tạm ứng, thanh toán, số tiền chính xác bằng số, bằng chữ, tên đơn vị thụ hưởng.
- **Bảo lãnh tạm ứng:** Là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang, do một ngân hàng có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (trừ các đơn vị thành viên thuộc hệ thống Ngân hàng TMCP Quân đội) và phải được Bên A chấp nhận. Giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng giá trị tiền tạm ứng và có hiệu lực nhiều hơn 30 ngày so với thời hạn hoàn thành công tác bàn giao hàng hóa quy định trong Hợp đồng.
- **Bảo lãnh thực hiện HĐ:** Là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang, do một ngân hàng có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (trừ các đơn vị thành viên thuộc hệ thống Ngân hàng TMCP Quân đội) và phải được Bên A chấp nhận. Giá trị bảo lãnh là 10% tổng giá trị Hợp đồng và có hiệu lực nhiều hơn 30 ngày so với thời hạn hoàn thành công tác bàn giao hàng hóa quy định trong Hợp đồng.
- **Biên bản bàn giao, nghiệm thu:** Đây là biên bản xác nhận công tác bàn giao, hoàn thiện công việc theo biểu mẫu của Bên A cung cấp trước khi tiến hành bàn giao và nghiệm thu. Trên đó phải thể hiện các nội dung: Danh mục hàng hóa, số lượng đã bàn giao, thời gian, địa điểm bàn giao. Bắt buộc trên biên bản này phải có chữ ký, dấu xác nhận của các Chi nhánh/ Phòng Giao dịch của Bên A - nơi bàn giao hàng hóa.

II. TIẾN ĐỘ CUNG CẤP VÀ PHẠT VI PHẠM

Tiến độ cung cấp: Bên B bàn giao hàng hóa cho Bên A trong vòng 45 ngày kể từ ngày hai bên ký Hợp đồng.

Phạt chậm tiến độ: Nếu bên B triển khai và nghiệm thu chậm so với tiến độ quy định thì

bên B sẽ phải chịu mức phạt bằng 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày nghiệm thu chậm, tuy nhiên tổng mức phạt không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên bị vi phạm (nếu có)